

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 331/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2022
V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân &
Gia đình, ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Tấn Phước;
2. Ông Võ Hoàng Nghiệp

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Chúc Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 160/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 391/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Biền, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ 107, ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Phước, sinh năm: 1980; địa chỉ: Tổ 107, ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang.

Bà B, ông P vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày: Hôn nhân giữa bà với ông P là do tự tìm hiểu, được cha mẹ hai bên đồng ý, tổ chức lễ cưới vào năm 1999, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V vào ngày 19/12/2002. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi, ông P ghen tuông vô cớ rồi đánh đập bà, bà nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông P vẫn tính nết nào tật nấy không đổi. Cho đến tháng 3/2022, vợ

chồng lại tiếp tục cự cãi thì ông P vô cớ đánh bà, bà không thể tiếp tục chung sống với ông P và sống ly thân từ tháng 3/2022 cho đến nay.

Từ khi ly thân, gia đình hai bên cũng khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm nhưng bà thấy mình không còn tình cảm với ông P và không thể chung sống với nhau. Nay bà xin được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 con chung: 01/Nguyễn Hữu D, sinh ngày 18/8/2001; 02/ Nguyễn Thị Bích M, sinh ngày 23/7/2011, đang sống với bà B. Khi ly hôn, bà yêu cầu nuôi cháu M, không yêu cầu ông P cấp dưỡng. Riêng cháu D đã trưởng thành, sống tự lập được nên bà không yêu cầu.

Về tài sản chung: Có 01 nền đất thổ cư diện tích khoảng 150m², tọa lại tại ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 01căn nhà gỗ, mái thiết, vách thiết. Giá trị tài sản 70.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu chia theo quy định của pháp luật và được nhận hiện vật nhưng tại biên bản ghi nhận vắng mặt bà xin rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Bà và ông P sẽ tự thỏa thuận với nhau.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P trình bày: Về thời gian, điều kiện đi đến hôn nhân và một phần nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn đúng như lời trình bày của bà B. Tuy nhiên, nguyên nhân chính là do vào khoảng tháng 3/2022 con trai lớn của ông xin đi Bình Dương làm nhưng do sợ cháu hư nên không đồng ý, cộng thêm việc cháu cho bạn bè mượn tiền thì ông có la rầy. Do có nhậu tại nhà anh vợ nên khi la thì ông la chung hai mẹ con, chứ mâu thuẫn hôm đó ông không hề đánh bà B. Trước đây ông có đánh bà B nhưng thời gian đã lâu và ông đã sửa đổi. Ông thừa nhận mình có ghen tuông nhưng do khi nhậu thì nói đại, chứ ông biết vợ mình không có gì với người khác. Sự việc xảy ra mẹ ruột ông có xuống năn nỉ nhưng bà B không đồng ý và bỏ đi làm ở Bình Dương cho đến nay. Ông còn thương vợ con và muốn hàn gắn gia đình nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung, họ tên năm sinh đúng như lời trình bày của bà B. Hiện cháu M đang sống với bà B. Khi ly hôn, con muốn sống với ai thì sống, ông không có ý kiến. Riêng cháu D đã trưởng thành, ông không có yêu cầu.

Về tài sản chung: Thống nhất với bà B có một nền đất thổ cư khoảng 150 m², chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tọa lạc tại ấp A, thị trấn A, huyện A, tỉnh An Giang. Nhà và đất hiện do ông đang quản lý, sử dụng. Trên phần đất này có một căn nhà vách tôn, mái tôn. Nay bà B đã rút lại toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, ông không có ý kiến và thống nhất với bà B sẽ tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ các đương sự cung cấp cho Tòa án được công bố trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Các đương sự thống nhất, không bổ sung chứng cứ mới và không có ý kiến.

Tại phiên tòa:

Hội đồng đồng xét xử đã công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án tại phiên tòa theo quy định.

Bà B vắng mặt nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông P vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án cho thấy hôn nhân của bà B và ông P có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian mâu thuẫn đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà B theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Có 02 con chung: 01/Nguyễn Hữu D, sinh ngày 18/8/2001; 02/Nguyễn Thị Bích M, sinh ngày 23/7/2011, đang sống với bà B. Xét thấy, để ổn định tâm sinh lý của con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu M cho bà B nuôi dạy theo nguyện vọng cháu và công nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Thị B yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn P. Ông P cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về việc vắng mặt của đương sự: Bà B vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:*

Bà B yêu cầu được ly hôn với ông P, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P ghen tuông vô cớ, đánh đập bà nhiều lần. Ông P cho rằng ông và bà B có mâu thuẫn nhưng là những chuyện nhỏ nhặt, ông còn thương vợ, không muốn ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy, mặc dù ông P không đồng ý ly hôn với bà B nhưng chính ông lại thừa nhận mình cũng có bạo lực gia đình và đã thay đổi, điều này lại không được bà B xác nhận. Việc ông P trình bày đã thể hiện hôn nhân giữa hai bên đã thật sự mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cả hai không có giải pháp hàn gắn mặc dù thời gian ly thân đã lâu. Điều này là phù hợp với Biên bản xác minh ngày 03/6/2022 của Tòa án khi làm việc với người thân của các đương sự về quan hệ hôn nhân: Theo đó ông P không lo làm ăn, lại hay ghen tuông,

đánh đập bà B, không chăm lo con cái. Theo bà khả năng hàn gắn là không thể bởi hai bên gặp nhau là cự cãi, ông P không có sự thay đổi. Qua hòa giải, bà B kiên quyết ly hôn, mặc cho ông P xin đoàn tụ nên đây là ý chí đơn phương của ông P, trong khi hôn nhân phải xây dựng trên sự tự nguyện của hai bên. Cho thấy, mục đích hôn nhân giữa bà B và ông P không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà B là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Cháu Nguyễn Hữu D, sinh ngày 18/8/2001, đã trưởng thành, sống tự lập, bà B và ông P không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà B yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Bích M, sinh ngày 23/7/2011, ông P thống nhất theo nguyện vọng của cháu M. Xét, để nhằm ổn định tâm sinh lý, về điều kiện sống và học tập cũng như theo nguyện vọng của cháu M được sống với bà B, Hội đồng xét xử nhận thấy nên giao cháu M cho bà B tiếp tục nuôi dạy và công nhận sự tự nguyện của bà B không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung*: Bà B xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung, ông P thống nhất tự thỏa thuận. Xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của đương sự nên chấp nhận đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà B.

[5] *Về nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí*: Bà B phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị B được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

Giấy chứng nhận kết hôn số: 01 ngày 19/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Bà Phạm Thị B được tiếp tục nuôi con chung tên Nguyễn Thị Bích M, sinh ngày 23/7/2011.

Công nhận sự tự nguyện của bà B về việc không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà B cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông P trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp

đưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định. Hạn chế quyền của của cha mẹ đối với con chưa thành niên.

Về tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Phạm Thị B.

Về án phí: Bà Phạm Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí 1.175.000 (Một triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0006917 ngày 29/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A. Bà B được nhận lại 875.000 (Tám trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang